

Số: 57 /TB-HĐKT

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

Kết quả phúc khảo Kỳ thi tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 625/KH-TANDTC ngày 18/6/2026 của Tòa án nhân dân tối cao về tổ chức Kỳ thi tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân năm 2026; căn cứ kết quả chấm phúc khảo của Ban Chấm phúc khảo, Hội đồng kỳ thi tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân năm 2026 thông báo kết quả phúc khảo (theo Danh sách kèm Thông báo).

Kết quả phúc khảo được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao và Cổng thông tin thi tuyển chọn Thẩm phán; đồng thời được thông báo đến những người dự thi có đơn đề nghị phúc khảo theo quy định.

Hội đồng kỳ thi tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân năm 2026 trân trọng thông báo./.

Nơi nhận :

- Chánh án TANDTC, Chủ tịch HĐTTCTP TAND (để báo cáo);
- HĐKT TC TP TAND năm 2026, Ban giám sát; các Ban, Tổ giúp việc HĐKT;
- Cổng TTĐT TANDTC, Cổng TT thi tuyển chọn Thẩm phán (để đăng tin);
- Lưu: HĐKT (TTK).

**KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH**



Chu Đức Anh

Vụ trưởng Vụ Tổ chức-Cán bộ



KẾT QUẢ CHẤM PHỤC KHẢO

(kèm theo Thông báo số 57/TB-HĐKT ngày 25/9/2026 của Hội đồng kỳ thi năm 2026)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị	Điểm phúc khảo		Ghi chú
					Viết	Trắc nghiệm	
1	B10003	Huỳnh Thanh An	06/12/1983	Đồng Tháp	46.75		
2	B10010	Trần Thị Ngọc Anh	09/10/1992	Bắc Ninh	47.5	82	
3	B10011	Huỳnh Hoàng Anh	20/12/1984	Cà Mau	48.25		
4	B10013	Lê Khắc Anh	15/12/1993	Đắk Lắk	60	66	
5	B10019	Lương Công Anh	16/01/1991	Quảng Ngãi	58		
6	B10022	Cao Mỹ Anh	20/5/1988	TP. Cần Thơ	62		
7	B10026	Đỗ Kỳ Anh	02/11/1986	TP. Hà Nội	55		
8	B10032	Nguyễn Thị Vân Anh	29/8/1991	TP. Hồ Chí Minh	72	60	
9	B10034	Nguyễn Phan Quế Anh	11/10/1990	TP. Hồ Chí Minh	59	74	
10	B10035	Lê Đức Anh	23/01/1988	TP. Hồ Chí Minh	64	66	
11	B10036	Hoàng Thế Anh	25/11/1988	Tuyên Quang	45		
12	B10045	Nguyễn Thị Bắc	15/08/1989	Lâm Đồng	58	58	
13	B10046	Thới Ngọc Bắc	24/10/1987	TP. Đồng Nai	42.25		
14	B10048	Nguyễn Hoài Bảo	17/11/1986	Vĩnh Long	45		
15	B10049	Trương Văn Bé	20/11/1980	TP. Hồ Chí Minh	57	68	
16	B10053	Trần Hoà Bình	05/04/1986	Đắk Lắk	50.5	70	
17	B10061	Lương Đăng Bùi	05/11/1983	TP. Hải Phòng	65.25	48	
18	B10065	Trần Hồng Chi	27/6/1987	Đồng Tháp	46.25	62	
19	B10066	Lê Thị Mỹ Chi	30/7/1982	TP. Cần Thơ	47		
20	B10078	Phạm Hữu Công	13/12/1988	Quảng Ngãi	49.75	76	
21	B10084	Trần Thị Cúc	29/11/1981	TP. Cần Thơ		48	



✓

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị	Điểm phúc khảo		Ghi chú
					Viết	Trắc nghiệm	
22	B10093	Bùi Việt Cường	8/5/1986	Ninh Bình	53.25	80	
23	B10111	Võ Thị Hồng Diễm	12/06/1986	An Giang		48	
24	B10117	Phạm Thị Bích Diệp	24/4/1983	Ninh Bình	44	48	
25	B10123	Lê Anh Đô	02/09/1991	TP. Cần Thơ	48	56	
26	B10125	Nguyễn Văn Đông	16/7/1989	Đồng Tháp	44		
27	B10127	Huỳnh Thị Dư	30/4/1984	Gia Lai		48	
28	B10132	Thái Vũ Đức	04/06/1983	An Giang		60	
29	B10135	Lê Minh Đức	29/10/1977	TP. Hà Nội	41		
30	B10141	Lê Thị Dung	19/02/1987	Gia Lai	61	58	
31	B10151	Nguyễn Thị Kim Dung	26/9/1990	TP. Hồ Chí Minh		56	
32	B10157	Trần Việt Dũng	12/12/1980	An Giang	48	48	
33	B10163	Hà Huỳnh Tiến Dũng	08/07/1974	TP. Cần Thơ		48	
34	B10175	Vũ Đại Dương	27/02/1991	TP. Hồ Chí Minh	74		
35	B10176	Nguyễn Thùy Dương	07/10/1990	TP. Hồ Chí Minh	65.75	68	
36	B10194	Nguyễn Thị Linh Giang	25/3/1982	Hà Tĩnh	55	62	
37	B10195	Nguyễn Thị Hương Giang	25/3/1990	Nghệ An	64.5		
38	B10204	Lê Thị Ngọc Hà	28/7/1984	Khánh Hòa	42		
39	B10205	Ngô Thái Hà	11/8/1988	Lâm Đồng	39.5		
40	B10220	Lê Thị Thu Hà	21/01/1979	TP. Hà Nội	47.5	48	
41	B10221	Nguyễn Thị Thu Hà	20/01/1981	TP. Hà Nội	25	38	
42	B10222	Nguyễn Thị Hải Hà	22/02/1986	TP. Hà Nội	53.5	68	
43	B10226	Lê Thị Thuý Hà	25/07/1984	TP. Hải Phòng	65.25	48	
44	B10237	Nguyễn Thị Minh Hải	12/11/1979	TP. Hà Nội	66.5	62	
45	B10244	Nguyễn Thị Thanh Hằng	10/9/1993	Hà Tĩnh	69	58	
46	B10256	Mai Thanh Hằng	26/3/1988	TP. Hồ Chí Minh	46.75	62	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị	Điểm phúc khảo		Ghi chú
					Viết	Trắc nghiệm	
47	B10260	Hoàng Thị Hạnh	10/8/1983	Bắc Ninh	54.5	74	
48	B10262	Lê Thị Hạnh	19/09/1988	Đắk Lắk	42	54	
49	B10264	Trần Thị Hạnh	02/02/1974	Gia Lai	43.5		
50	B10269	Phạm Thị Hiếu Hạnh	21/10/1979	TP. Hồ Chí Minh	60.75		
51	B10273	Nguyễn Thị Hào	14/05/1979	TP. Hà Nội		44	
52	B10288	Tào Văn Hai Hiền	02/07/1977	TP. Cần Thơ	61.5	46	
53	B10289	Nguyễn Thị Hiền	03/08/1989	TP. Cần Thơ	45		
54	B10292	Trần Thị Thu Hiền	13/6/1992	TP. Hồ Chí Minh	65	62	
55	B10307	Hoàng Thị Thúy Hoa	20/10/1984	Lâm Đồng	56.25		
56	B10313	Nguyễn Hải Hòa	20/11/1988	Nghệ An		46	
57	B10317	Trần Văn Hoài	25/3/1988	Nghệ An	66	68	
58	B10319	Võ Thu Hoài	15/3/1989	TP. Hồ Chí Minh	54.25	62	
59	B10330	Trần Thị Hồng	5/3/1990	Ninh Bình	67.25	56	
60	B10336	Phạm Nguyễn Thanh Hồng	24/11/1991	TP. Hồ Chí Minh	70	62	
61	B10338	Nguyễn Thị Hồng	10/02/1990	TP. Hồ Chí Minh	55.5	58	
62	B10339	Nguyễn Văn Hồng	20/11/1996	Tuyên Quang	48		
63	B10340	Trần Thị Tuyết Hồng	16/9/1987	Vĩnh Long	48	46	
64	B10344	Dương Thị Huệ	10/5/1987	Bắc Ninh	67.5	60	
65	B10345	Nguyễn Thị Huệ	23/06/1986	Lâm Đồng	58	52	
66	B10354	Trần Văn Hùng	19/7/1988	Thanh Hóa	52		
67	B10355	Nguyễn Bá Anh Hùng	27/7/1989	TP. Đồng Nai	56	58	
68	B10366	Nguyễn Ngọc Tú Hương	01/01/1984	Cà Mau	42.25	72	
69	B10372	Nguyễn Thị Lan Hương	21/5/1988	Phú Thọ	45.75	76	
70	B10379	Lê Thị Hương	21/10/1982	Thanh Hóa	68	58	
71	B10380	Nguyễn Thị Hương	17/5/1990	TP. Cần Thơ	43.5		

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị	Điểm phúc khảo		Ghi chú
					Viết	Trắc nghiệm	
72	B10383	Phạm Thu Hương	10/04/1982	TP. Hà Nội	71.75	56	
73	B10384	Nguyễn Thị Hương	20/02/1986	TP. Hà Nội	52.75	62	
74	B10385	Lưu Thị Ngọc Hương	15/10/1981	TP. Hồ Chí Minh	75.5	42	
75	B10397	Đinh Thị Hường	08/04/1982	TP. Hà Nội	62.5	68	
76	B10401	Nguyễn Phát Huy	19/9/1987	An Giang	46.5		
77	B10409	Nông Thị Thu Huyền	03/08/1989	Đắk Lắk	68	56	
78	B10418	Phạm Thị Thu Huyền	17/8/1986	TP. Hồ Chí Minh	73	58	
79	B10423	Phạm Vũ Khắc	02/09/1991	TP. Hồ Chí Minh	54	58	
80	B10427	Võ Thiện Khiêm	11/7/1984	Vĩnh Long		44	
81	B10430	Nguyễn Hoàng Khôi	07/03/1990	Vĩnh Long	55	40	
82	B10435	Nguyễn Bá Kiên	05/02/1992	Nghệ An	58	66	
83	B10437	Hà Văn Kiên	24/4/1990	Quảng Ngãi	57		
84	B10443	Trần Phụng Kiều	10/6/1992	Đắk Lắk	60	64	
85	B10450	Trần Ngọc Ký	03/09/1987	An Giang		44	
86	B10459	Võ Thị Phong Lan	19/05/1982	TP. Cần Thơ	47		
87	B10468	Phạm Thị Hồng Lê	16/09/1978	TP. Hà Nội	72	48	
88	B10477	Vũ Thị Phương Liên	15/9/1991	Quảng Ninh		46	
89	B10482	Cao Vũ Linh	11/5/1984	An Giang	39	58	
90	B10493	Đinh Thị Thùy Linh	06/11/1987	TP. Hà Nội	60	62	
91	B10496	Nguyễn Tiến Linh	04/04/1987	TP. Hải Phòng	68.75	54	
92	B10532	Giáp Thị Thu Ly	10/12/1987	Lâm Đồng	53	56	
93	B10534	Đỗ Thị Hiếu Ly	20/01/1987	Tây Ninh		48	
94	B10538	Phạm Anh Ly	01/01/1984	TP. Hồ Chí Minh	55	54	
95	B10565	Trang Hoàng Mỹ	23/7/1986	Tây Ninh	33.25	62	
96	B10566	Lâm Xuân Mỹ	01/09/1991	Vĩnh Long	46.75		

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị	Điểm phúc khảo		Ghi chú
					Viết	Trắc nghiệm	
97	B10571	Hồ Quốc Nam	06/11/1986	Đắk Lắk	50	62	
98	B10572	Đoàn Quốc Nam	13/12/1992	Đồng Tháp	39.25		
99	B10573	Tạ Ngọc Nam	18/10/1987	Hưng Yên	42	64	
100	B10575	Phạm Đình Nam	12/5/1977	TP. Đà Nẵng	42	48	
101	B10577	Nguyễn Trọng Nam	22/3/1992	TP. Hồ Chí Minh	67.5	60	
102	B10588	Hồ Thị Nga	23/10/1989	TP. Đồng Nai	53	48	
103	B10591	Trần Thị Nguyệt Nga	02/10/1989	TP. Hồ Chí Minh	76.25	54	
104	B10592	Đặng Thị Nga	10/6/1990	TP. Hồ Chí Minh	54	64	
105	B10595	Nguyễn Thị Ngân	01/01/1988	Cà Mau		48	
106	B10598	Nguyễn Thị Ngân	07/05/1990	Thanh Hóa	35		
107	B10601	Trần Mộng Nghi	02/01/1988	Cà Mau	49.75		
108	B10606	Lê Thị Ngoãn	27/9/1986	Sơn La	47.75		
109	B10607	Đinh Như Ngọc	29/01/1989	An Giang	46.25		
110	B10613	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	03/03/1991	Khánh Hòa	45		
111	B10618	Trần Võ Quỳnh Ngọc	12/02/1989	TP. Hồ Chí Minh	68	56	
112	B10620	Nguyễn Thị Ngọt	17/08/1987	TP. Hà Nội	58	58	
113	B10625	Vũ Thị Hồng Nguyên	13/3/1991	TP. Hồ Chí Minh	57.5	66	
114	B10632	Nguyễn Thị Nguyệt	25/8/1983	TP. Hồ Chí Minh		44	
115	B10636	Đoàn Thế Nhân	01/01/1986	TP. Hồ Chí Minh	70	54	
116	B10681	Hà Tấn Phong	09/11/1992	Tây Ninh	53.25		
117	B10693	Ngô Thị Phụng	18/4/1986	TP. Hồ Chí Minh	69.5	60	
118	B10710	Hồ Thị Thanh Phương	29/5/1987	TP. Đồng Nai	50	56	
119	B10715	Phạm Ngọc Phương	03/03/1985	TP. Hồ Chí Minh	39		
120	B10716	Lê Thị Mai Phương	06/11/1981	TP. Hồ Chí Minh	60	56	
121	B10717	Lương Thị Hoài Phương	13/12/1983	TP. Hồ Chí Minh	51	64	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị	Điểm phúc khảo		Ghi chú
					Viết	Trắc nghiệm	
122	B10721	Hoàng Thị Phụng	11/3/1986	Bắc Ninh	51.25	72	
123	B10722	Trần Thị Bích Phụng	2/12/1984	Ninh Bình	50	66	
124	B10726	Bế Thị Phụng	08/01/1989	TP. Hồ Chí Minh	58	60	
125	B10729	Hoàng Văn Quán	01/02/1986	Tuyên Quang	52.5	56	
126	B10738	Trương Hồng Quang	15/02/1977	Quảng Trị	57.75	48	
127	B10740	Lê Thị Mỹ Quý	21/5/1985	TP. Hồ Chí Minh	65.25	70	
128	B10772	Nguyễn Trường Sơn	21/4/1988	TP. Cần Thơ	39	54	
129	B10775	Nay Y Sura	30/3/1988	Đắk Lắk	55.75	58	
130	B10779	Đặng Văn Tâm	30/04/1981	An Giang	31	52	
131	B10789	Phạm Ngọc Tâm	10/4/1976	TP. Hồ Chí Minh	46.5	58	
132	B10797	Phan Văn Thạch	25/11/1985	Gia Lai	52.75	68	
133	B10801	Trần Thị Hồng Thắm	12/5/1986	An Giang		44	
134	B10809	Sùng A Thắng	28/9/1991	Lai Châu		48	
135	B10821	Tăng Thị Hồng Thanh	02/08/1991	TP. Hồ Chí Minh	64	70	
136	B10823	Trần Thị Thanh	17/6/1988	TP. Hồ Chí Minh	54	66	
137	B10827	Lê Minh Thành	27/12/1993	Đồng Tháp	44.5		
138	B10844	Nguyễn Thị Thu Thảo	14/3/1991	TP. Cần Thơ	40		
139	B10848	Đinh Thị Phương Thảo	28/8/1990	TP. Đồng Nai	54	62	
140	B10854	Lý Ngọc Thảo	05/06/1984	Vĩnh Long	48.5	66	
141	B10873	Dương Thị Thơm	28/04/1978	TP. Hà Nội	57	62	
142	B10879	Nguyễn Thị Lệ Thu	01/01/1990	Tây Ninh	67	50	
143	B10892	Nguyễn Bá Thuận	26/12/1982	Hưng Yên	44	66	
144	B10918	Lê Thị Thùy	17/11/1989	TP. Hồ Chí Minh	51.75		
145	B10939	Lê Trung Tiến	10/6/1989	TP. Hồ Chí Minh	73.5	62	
146	B10945	Phạm Đăng Toàn	11/7/1983	Hưng Yên	68	66	



2

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Đơn vị	Điểm phúc khảo		Ghi chú
					Viết	Trắc nghiệm	
147	B10963	Nguyễn Thị Trang	21/10/1983	Hung Yên	65	68	
148	B10985	Nguyễn Thành Trí	13/12/1989	TP. Hồ Chí Minh	64	66	
149	B10988	Nguyễn Thị Diễm Trinh	16/01/1989	An Giang		38	
150	B10995	Đỗ Duy Trung	09/04/1984	TP. Hà Nội	28.5	66	
151	B10996	Ngô Văn Trường	28/7/1982	Cà Mau	48		
152	B10998	Hồ Ngọc Trường	26/6/1991	TP. Hồ Chí Minh	63	64	
153	B11000	Lê Thị Tú	10/02/1985	An Giang	48.5		
154	B11010	Nguyễn Trí Tuấn	26/6/1993	Bắc Ninh	58.5		
155	B11018	Phạm Anh Tuấn	10/4/1982	Quảng Ninh	42.25		
156	B11024	Đỗ Phú Tuấn	10/8/1977	TP. Hồ Chí Minh	40	58	
157	B11025	Lê Khắc Tuấn	16/5/1990	TP. Hồ Chí Minh	53.5	72	
158	B11030	Lê Quốc Từng	10/02/1985	An Giang	47		
159	B11043	Tô Thị Út	05/08/1986	Vĩnh Long	44.25	42	
160	B11044	Nguyễn Lê Xuân Uyên	25/01/1991	TP. Hồ Chí Minh	71.75	62	
161	B11050	Trần Thị Cẩm Vân	12/11/1983	Hà Tĩnh	60.75	62	
162	B11063	Phạm Thị Cẩm Vân	02/11/1986	TP. Hồ Chí Minh	62	74	
163	B11069	Giàng Mạnh Vàng	26/3/1988	Lào Cai	43.5		
164	B11093	Lê Thị Xuân	16/12/1981	Nghệ An	84	50	
165	B11097	Hoàng Thị Xuân	10/02/1991	TP. Hồ Chí Minh	60	66	
166	B11101	Đoàn Thị Xuyên	26/3/1990	Ninh Bình	79	52	
167	B11103	Dương Như Ý	09/10/1988	Cà Mau	41.25		
168	B11117	Võ Thị Hoàng Yến	14/10/1984	TP. Hồ Chí Minh	57	72	
169	B30024	Nguyễn Thi Sỹ	15/11/1983	Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh	64	54	
170	B30030	Nguyễn Thị Tình	2/3/1984	Vụ Giám đốc, kiểm tra IV		48	



[Handwritten signature]